TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/DS- ST
Ngày: 15/9/2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao;

2. Ông Trần Vũ Hà;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung- Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2025/TLST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐST- DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2;

Đại diện theo pháp luật: Bà K; Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty T2;

Địa chỉ: Tòa nhà G số E L, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Mai Hữu T, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: E G, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bà H Thoa N, sinh năm 1996 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 2 V, phường T, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà H Thoa N trình bày có nội dung:

Ngày 27 tháng 01 năm 2023 ông Nguyễn Văn T1 đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng vay số 142301305747644 với Công ty T2, để vay số tiền 53.500.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 44%/năm, mục đích vay là để vay tiêu dùng cá nhân; thanh toán nợ gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền 2.723.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày 30 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Hai bên có thỏa thuận ông Nguyễn Văn T1 phải chịu khoản tiền phí bảo hiểm khoản vay là 3.500.000 đồng; ngày 30/01/2023 Công ty T2 đã chuyển khoản số tiền vay 49.994.500 đồng đến số tài khoản 0231000640910 tại Ngân hàng TMCP N1, tên chủ tài khoản NGUYEN VAN THUYEN, nội dung chuyển tiền giản ngân cho HD 142301305747644;

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận và chưa trả được bất cứ khoản tiền nào cho Công ty T2;

Nay công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Công ty T2 số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/9/2025 là: 139.690.109 đồng, trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.166.577 đồng, lãi quá hạn là 73.023.532 đồng; và lãi suất phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 theo mức lãi suất quy định tại giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng vay số 142301305747644 cho đến khi trả xong nợ gốc;

Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn T1 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do; do đó Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự;

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 ông Nguyễn Văn T1 đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng vay số 142301305747644 với Công ty T2, để vay số tiền 53.500.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 44%/năm, mục đích vay tiêu

dùng cá nhân; thanh toán nợ gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng 2.723.000 đồng. Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2025 ông Nguyễn Văn T1 vẫn còn nợ Công ty T2 số tiền 139.690.109 đồng, trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.166.577 đồng, lãi quá hạn là 73.023.532 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 220; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T2 tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2025 là: 139.690.109 đồng, trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.166.577 đồng; lãi quá hạn là 73.023.532 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc; Lãi suất được tính theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng vay số 142301305747644 ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa ông Nguyễn Văn T1 và Công ty T2;

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu Tòa án giải quyết "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại số nhà A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, này là A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị

đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 ông Nguyễn Văn T1 đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng vay số 142301305747644 với Công ty T2, để vay số tiền 53.500.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 44%/năm, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thanh toán nợ gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng 2.723.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày 30 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2025 ông Nguyễn Văn T1 vẫn còn nợ Công ty T2 số tiền 139.690.109 đồng, trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 13.166.577 đồng, lãi quá hạn là 73.023.532 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc là có cơ sở chấp nhận;

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 139.690.109 đồng x 5% = 6.984.505 đồng, làm tròn thành 6.984.500 đồng;

Nguyên đơn Công ty T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; được nhận lại 2.803.000 đồng *(Hai triệu tám trăm lẻ ba nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà Công ty T2 đã nộp theo biên lai thu số 0000959 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; nay là Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 1, tỉnh Đắk Lắk;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 220; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T3;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1;

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T2 tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2025 là: 139.690.109 đồng *(Một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm lẻ chín đồng)*, trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng *(Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng);* nợ lãi trong hạn là 13.166.577 đồng *(Mười ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng),* lãi quá hạn là 73.023.532 đồng *(Bảy mươi ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn năm trăm ba mươi hai đồng);*

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc; Lãi suất được tính theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng vay số 142301305747644 ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa ông Nguyễn Văn T1 và Công ty T2;

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 6.984.500 *(Sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn Công ty T2 được nhận lại 2.803.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà Công ty T2 đã nộp theo biên lai thu số 0000959 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là Phòng thi hành án dân sự K, tỉnh Đắk Lắk;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu Vực 1;
- P. THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương